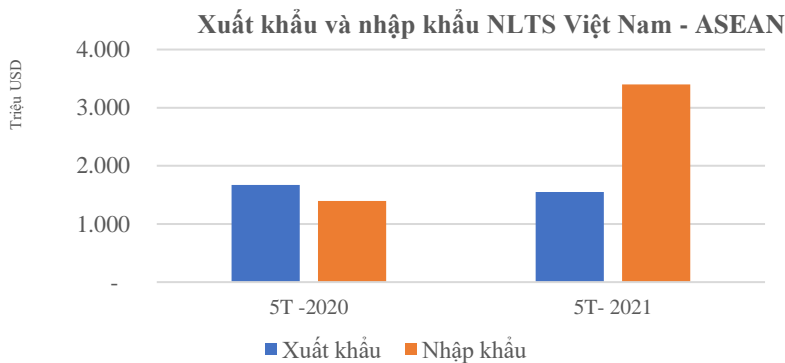


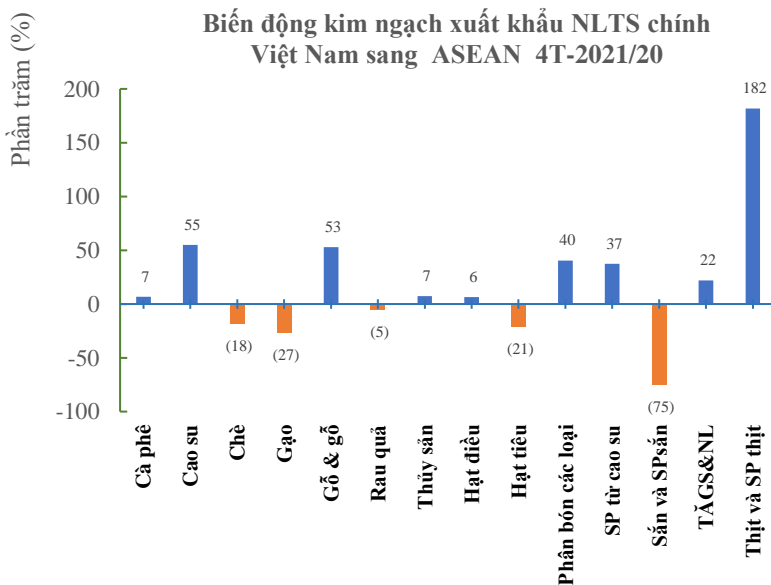
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường ASEAN



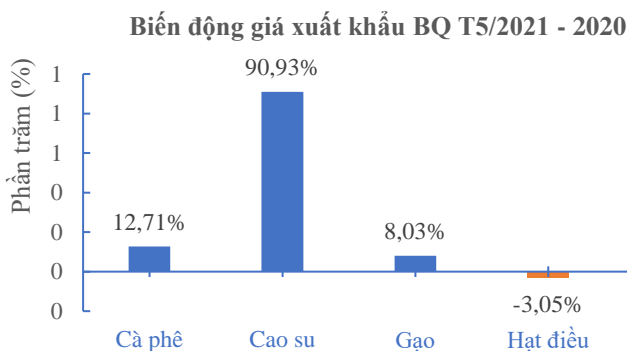
**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
ASEAN
(5T/ 2021 – 5T/ 2020)**

Xuất khẩu ▼ 7,35%
Nhập khẩu ▲ 143,66%



So sánh 5T-2021/ 2020

Cà phê ▼ 6,73%
Cao su ▲ 54,96%
Chè ▼ 17,82%
Gạo ▼ 26,85%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 52,95%
Rau quả ▼ 5,01%
Thủy sản ▲ 7,37%
Hạt điều ▲ 6,42%
Hạt tiêu ▼ 21,33%
Phân bón ▲ 40,45%
SP từ cao su ▲ 37,44%
Sản & SP sản ▼ 74,65%
TĂGS và NL ▲ 22,07%
Thịt và SP thịt ▲ 181,8%



**So sánh giá xuất khẩu BQ T5/
2021/2020**

Cà phê ▲ 12,71%
Cao su ▲ 90,93%
Gạo ▲ 8,03%
Hạt điều ▼ 3,03%
Hạt tiêu ▲ 54,04%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm khoảng 10% tổng xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang các nước ASEAN trong 5 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 giảm 7,4%, trong khi kim ngạch nhập khẩu NLTS tăng 143,7%. Tính riêng tháng 5/2021, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 351 triệu USD, giảm 11,3% so với tháng trước và giảm 8,28% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN trong tháng 5/2021 là gạo (chiếm 41%), thủy sản (chiếm 14%), cà phê (chiếm 11%), phân bón các loại (chiếm 8%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (chiếm 7%). So với tháng 4/2021, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao, đặc biệt là sắn và các sản phẩm sắn tăng 300%, cà phê tăng 21%, hạt tiêu, sản phẩm từ cao su tăng 19% trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là thịt và sản phẩm thịt giảm 74%, gạo giảm 24%, rau quả giảm 20%. Tuy nhiên, so với cùng kỳ, thịt và các sản phẩm từ thịt tăng 183%, sản phẩm từ cao su, hạt điều tăng 140%, cao su tăng 111%, hạt tiêu tăng 89%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 98% trong khi sắn và các sản phẩm sắn giảm 55%, gạo giảm 37%, chè giảo 30% (Chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Tại Philippin, trong khi dịch COVID-19 và dịch tả lợn Châu Phi tiếp tục hạn chế nhu cầu thức ăn chăn nuôi, ngô và gạo đã đạt sản lượng cao kỷ lục trong quý III của niên vụ 2020/21. USDA đã nâng sản lượng lúa niên vụ 2021/22 lên 12,4 triệu tấn do nước này đã áp dụng nhiều hơn các giống cải tiến thông qua Chương trình Lúa lai. Thương mại ngô và lúa mì dự kiến sẽ chậm lại trong nửa cuối của niên vụ 2020/21, nhập khẩu ngô dự kiến giảm 100.000 tấn và lúa mì giảm 300.000 tấn. Nguyên nhân là do giảm nhu cầu tiêu thụ, chi phí hậu cần cũng đang tăng lên. Niên vụ 2021/2, dự báo nhập khẩu lúa mì sẽ giảm 400.000 tấn xuống còn 6,4 triệu tấn do giá lúa mì tăng và tăng trưởng kinh tế dự kiến thấp hơn vào năm 2021.

Hàn Quốc vừa công bố "Dự án phát triển hợp tác công nghệ Hàn Quốc - ASEAN", theo đó hỗ trợ phát triển công nghệ chung giữa các doanh nghiệp Hàn Quốc và ASEAN trong 12 lĩnh vực công nghệ bao gồm chăn nuôi thông minh dựa trên nền tảng Trí tuệ nhân tạo (AI). Doanh nghiệp được chọn tham gia dự án sẽ được hỗ trợ vốn phát triển công nghệ tối đa 1 tỷ won (884.300 USD) trong vòng 3 năm. Dự án sẽ được xúc tiến thí điểm trong năm nay, bắt đầu tiếp nhận hồ sơ tham gia từ ngày 11/8.

Tờ Laotian Times đưa tin các doanh nghiệp Trung Quốc vừa ký một thỏa thuận mua 9 sản phẩm nông nghiệp trị giá 1,5 tỷ USD của Lào trong giai đoạn 2021-2025. Các sản phẩm mà doanh nghiệp Trung Quốc mua từ Lào lần này gồm có 100.000 tấn lạc,

100.000 tấn tinh bột sắn, 100.000 thịt bò đông lạnh, 200.000 tấn hạt điều, 100.000 tấn xoài, 50.000 tấn sầu riêng, 200.000 tấn đậu tương, 100.000 tấn chuối và 500.000 tấn đường. Hiện nước này đang xuất khẩu 7 sản phẩm nông nghiệp sang Trung Quốc, gồm có ngô, sắn, chuối, gạo, dưa hấu, khoai lang và đậu. Các công ty Trung Quốc đang đầu tư tại Lào đã bắt đầu trồng nhiều loại cây trái khác nhau để xuất khẩu về Trung Quốc. Tính tới năm 2020, đã có tổng cộng 239 công ty của Trung Quốc đầu tư 590 triệu USD vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp tại Lào, đưa nước này trở thành nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp lớn nhất tại Lào.

Theo Bộ trưởng Nông, Lâm và Ngư nghiệp Campuchia nước này đã xuất khẩu 132.174 tấn cao su tự nhiên, đạt giá trị 221,67 triệu USD trong nửa đầu năm 2021, tăng 7,18% về khối lượng và 38,12% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái, giá bán cao su trung bình trong nửa đầu năm 2021 ở mức 1.677 USD/tấn, tăng 374 USD (tương đương 28,72%) so với hồi đầu năm ngoái. Cao su Campuchia hiện xuất khẩu sang Việt Nam, Malaysia, Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản và một số ít sang thị trường Liên minh châu Âu (EU). Diện tích trồng cao su của Campuchia hiện đạt 404.160 ha, trong đó 292.500 ha (72%) là cây cao su trưởng thành có thể khai thác mủ, việc trồng cao su tại Campuchia cũng được đẩy mạnh, nhiều dự án nhà máy sản xuất lốp xe đang chờ cấp phép khi thấy nguồn cung cao su nội địa của Campuchia tăng.

Vào ngày 18/6/2021, Malaysia và Thái Lan đã khởi động liên kết thanh toán phản hồi nhanh (QR) xuyên biên giới để cho phép các doanh nghiệp và người tiêu dùng từ cả hai quốc gia nhận thanh toán bằng mã QR ngay lập tức. Liên kết DuitNow-PromptPay hiện là một phần của mạng lưới thanh toán đang được thiết lập ở ASEAN. Trước đó vào tháng 4/2021, Thái Lan và Singapore đã ra mắt hệ thống thanh toán ngay đầu tiên trên thế giới, người dùng chỉ cần sử dụng số điện thoại di động PayNow của Singapore đã được kết nối với hệ thống PromptPay tương tự của Thái Lan.

Ngân hàng Trung ương Thái Lan (BOT) bổ sung các biện pháp tái cơ cấu nợ cho các doanh nghiệp SME bao gồm cả những doanh nghiệp ngừng kinh doanh do tác động của làn sóng thứ 3 dịch Covid-19. Ngày 16/6/2021, Thủ tướng Thái Lan Prayut Chan-ocha công bố mục tiêu mở cửa đất nước trong 120 ngày tới. Theo đó, toàn bộ lĩnh vực kinh doanh sẽ hoạt động bình thường trở lại, du khách được du lịch tự do trên toàn lãnh thổ Thái Lan.

Các công ty công nghệ nông nghiệp của Israel đang tìm kiếm cơ hội kinh doanh ở Đông Nam Á. Trong khi đó, các nước như Việt Nam, Thái Lan và Philippin lại hướng đến Trung Đông để tìm cách thúc đẩy sản xuất lương thực. Dự kiến trong năm nay, Việt Nam sẽ ký kết Hiệp định Hợp tác lao động với Israel. Trước đó, Việt Nam cũng đã được Israel hỗ trợ xây dựng các nông trường nhà kính ở tỉnh Vĩnh Phúc, nơi nông dân đã trồng thành công một số loại cây bằng kỹ thuật thủy canh. Tương tự, Israel cũng hợp tác với

Thái Lan trong lĩnh vực công nghệ nông nghiệp. Tháng 10 tới đây, hai nước sẽ khai trương nông trường nhà kính thứ hai tại tỉnh Petchburi.

Theo dự báo mới nhất của World Bank vào tháng 6/2021, tăng trưởng khu vực ASEAN -5 đã có những tín hiệu phục hồi lạc quan. Tăng trưởng kinh tế của Indonesia dự báo tăng từ mức -2,1% trong năm 2020 lên mức 4,4% trong năm 2021, Malaysia tăng từ mức -5,6% trong năm 2020 lên mức 6,0% trong năm 2021, Thái Lan tăng từ mức -6,1% trong năm 2020 lên mức 2,2% trong năm 2021, Philippin mức tăng từ mức -9,6% trong năm 2020 lên mức 4,7% trong năm 2021. Trong tháng 6, Trung Quốc đã tổ chức một cuộc họp trực tuyến với các bộ trưởng những quốc gia đối tác trong sáng kiến “Vành đai, Con đường”, cho biết sẽ tăng cường đầu tư và hợp tác với các nước ASEAN như hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho Jakarta và nhập khẩu các sản phẩm của Indonesia, hợp tác để cải thiện mạng lưới giao thông tại Campuchia, xây dựng đường cao tốc tại Lào... Tương tự, các cơ hội về xuất khẩu hàng hóa sẽ tăng cao khi Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU) đang xem xét thực hiện cơ chế thương mại ưu đãi không chỉ với từng quốc gia thành viên của ASEAN mà còn với toàn khối ASEAN.

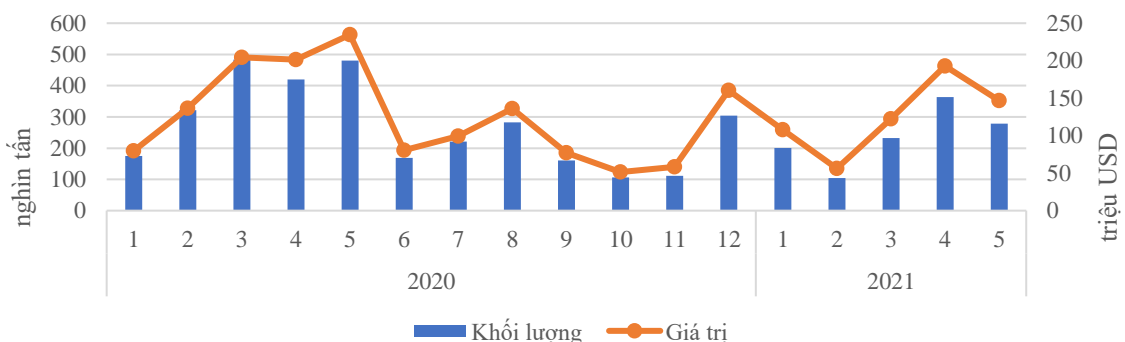
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 6/2021 của USDA, sản lượng gạo của ASEAN trong năm 2021 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 115,2 triệu tấn, tăng 2,3 triệu tấn so với năm 2020. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của ASEAN năm 2021 kỳ vọng sẽ đạt 5,0 triệu tấn, giảm 75 nghìn tấn so với năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu được 278,2 nghìn tấn gạo, trị giá 146,9 triệu USD sang thị trường ASEAN, giảm 23,5% về khối lượng và 23,9% về giá trị so với tháng trước, nhưng giảm 42,0% về khối lượng và 37,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2021 đạt 1178,2 nghìn tấn, trị giá 626,5 triệu USD, giảm 37,3% về khối lượng và 26,8% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

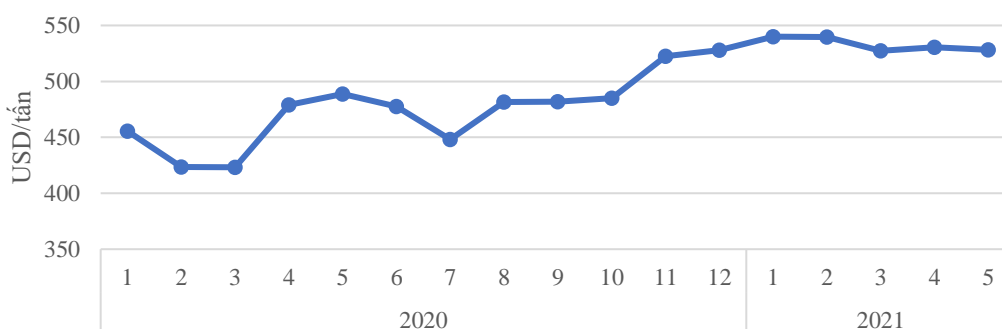
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường ASEAN tháng 5/2021 đạt 528,1 USD/tấn, giảm 0,5% so với tháng trước nhưng tăng 8,0% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá gạo xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN

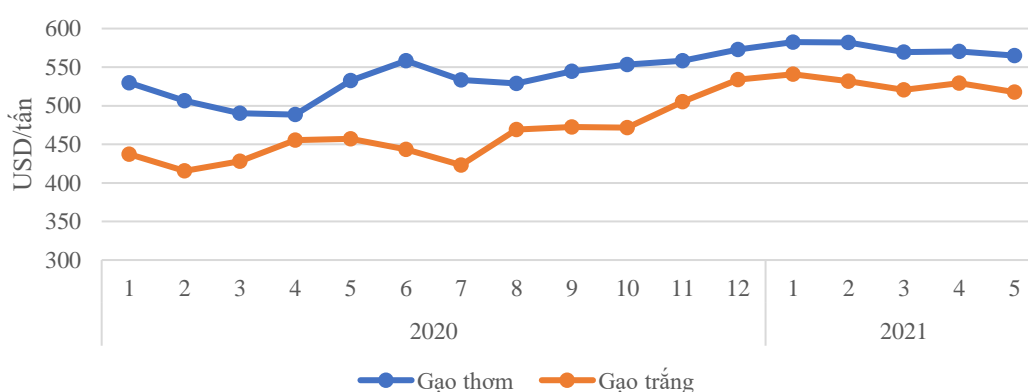


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN chiếm 52,2% về khối lượng và 51,7% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang ASEAN đã giảm 45,9% về khối lượng và 39,5% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo thơm chiếm 38,4% về khối lượng và 39,0% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang ASEAN đã giảm 45,1% về khối lượng và 42,1% về giá trị.

Giá gạo trắng tháng 5/2021 đạt trung bình 517,6 USD/tấn, giảm 2,2% so với tháng trước nhưng tăng 13,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 564,8 USD/tấn, giảm 1,0% so với tháng trước nhưng tăng 6,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá một số loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là Tổng Công ty Lương thực miền Nam, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Tín và Công ty TNHH Lương thực Phương Đông. Ba công ty này lần lượt chiếm 16,7%, 13,0% và 13,0% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN trong tháng 5/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này thay đổi như sau: Tổng Công ty Lương thực miền Nam giảm 26,2%, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Tín giảm 6,8% và Công ty TNHH Lương thực Phương Đông tăng 91,0%.

2. RAU QUẢ

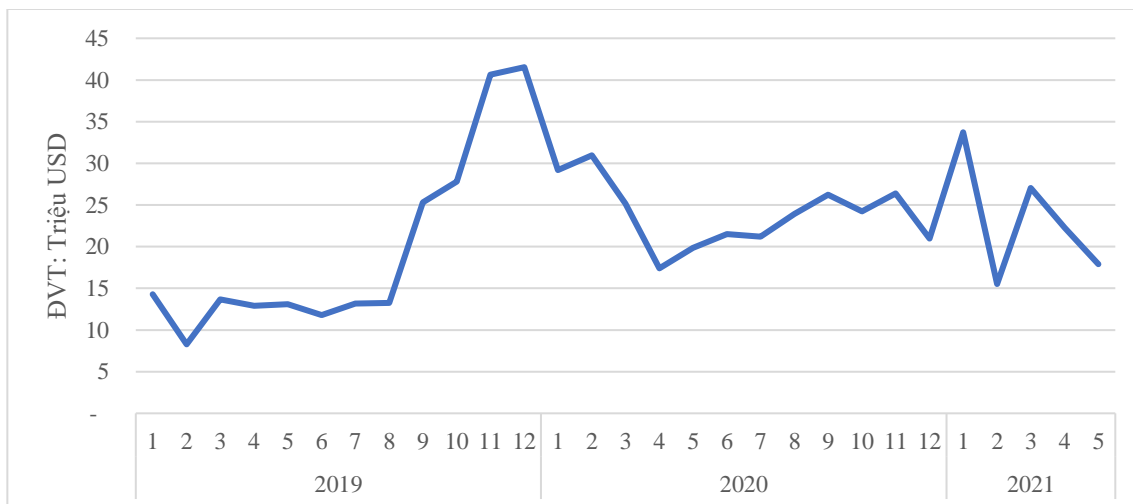
Theo China Daily News của Thái Lan, Bộ Ngoại thương Thái Lan sẽ chính thức ra mắt hệ thống con dấu và chữ ký điện tử rau quả từ ngày 1/7/2021. Số liệu thống kê chính thức từ Thái Lan cho thấy, tổng số giấy chứng nhận xuất xứ trái cây của Hiệp định Thương mại Tự do Trung Quốc - ASEAN các nhà xuất khẩu Thái Lan áp dụng trong 4 tháng đầu năm 2021 là 30.431, tương đương 46,408 tỷ Baht (khoảng 9,5 tỷ CNY), tăng 8,21% so với cùng kỳ năm 2020. Hệ thống này giúp đơn giản hóa quy trình, giảm tiếp xúc thủ công và giúp nâng cao hiệu quả phê duyệt giấy chứng nhận xuất xứ. Hiện nay, thời gian xin cấp giấy chứng nhận xuất xứ trái cây đã rút ngắn xuống còn 10 phút.

Theo Thainet.com, tính đến nay tỉnh Chanthaburi, Thái Lan đã xuất khẩu 25.030 container (khoảng 18 tấn/container) sàu riêng sang Trung Quốc, với tổng khối lượng trên 450.000 tấn. Năm 2020, tổng lượng sàu riêng xuất sang Trung Quốc cả vụ là 19.980 container, khoảng 350.000 tấn. Tính riêng tháng 5, là thời kỳ cho năng suất cao nhất của sàu riêng miền Đông, lượng sàu riêng xuất khẩu của nước này đạt tối đa 1.200 tấn/ngày, cao gấp đôi so với mức 500-600 tấn/ngày trong thời gian trước đó. Sang tháng 6, sàu riêng miền Nam Thái Lan thay thế sàu riêng miền Đông chiếm lĩnh thị trường.

Trung Quốc là thị trường cung cấp tối lớn nhất cho Indonesia (tối Trung Quốc chiếm 90% lượng tối nhập khẩu của nước này). Năm 2019, tổng khối lượng tối Trung Quốc xuất khẩu sang Indonesia lên tới 465.800 tấn. Năm 2020, con số này tăng thêm 158.700 tấn, đạt mức 624.500 tấn (tăng 34,1%). Giá trung bình của tối Trung Quốc tại Indonesia năm 2020 là 5.061 CNY (780 USD)/tấn, thấp hơn 19,4% so với giá trung bình chung của thị trường.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 5 năm 2021 đạt 17,9 triệu USD, chiếm 5,3% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 19,8% so với tháng trước và giảm 10,0% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung năm tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu đạt 116,4 triệu USD, chiếm 6,8% thị phần và giảm 5,0% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN

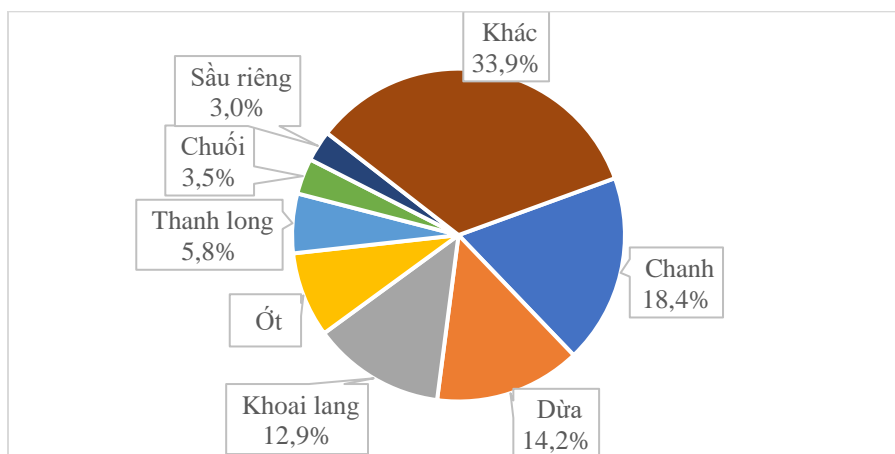


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN tháng 5 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 15,3 triệu USD (chiếm 85,7% thị phần, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 2,6 triệu USD (chiếm 14,3% thị phần), tăng 24,8%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 1 triệu USD (tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước); (ii) Nước ép, nước cốt trái cây (Mã HS: 2009) đạt 582,5 nghìn USD (tăng 116,5%); (iii) Rau chế biến (không đông lạnh- Mã HS.2005) đạt 489 nghìn USD (tăng 24,9%); ...

Trong tháng 5 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang ASEAN nhiều nhất bao gồm chanh đạt 3,3 triệu USD (chiếm 18,4% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2020; dứa đạt 2,5 triệu USD (chiếm 14,2%), giảm 62,0%; khoai lang đạt 2,3 triệu USD (chiếm 12,9%), giảm 30,3%; ớt đạt 1,5 triệu USD (chiếm 8,3%), giảm 8,9%; thanh long đạt 1 triệu USD (chiếm 5,8%), tăng 29,1%; ...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang ASEAN trong tháng 5/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường ASEAN tháng 5 năm 2021 đạt 20,2 triệu USD, chiếm 17,1% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung năm tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu đạt 109,4 triệu USD, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 5/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là đậu xanh đạt 8,4 triệu USD (chiếm 41,8%), tăng 89,6% so với cùng kỳ năm 2020; xoài đạt 2,7 triệu USD (chiếm 13,1%), tăng 196,5%; dứa đạt 2,5 triệu USD (chiếm 12,6%), tăng 78,3%; ...

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH Thực phẩm Pepsico Việt Nam, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xaxa với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 4,8%; 4,7% và 4,3%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II tăng 36,7% và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xaxa tăng 16,9%. Trong khi đó, Công ty TNHH Thực phẩm Pepsico Việt Nam không xuất khẩu trong tháng 5/2020 nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu được trong tháng 5/2021.

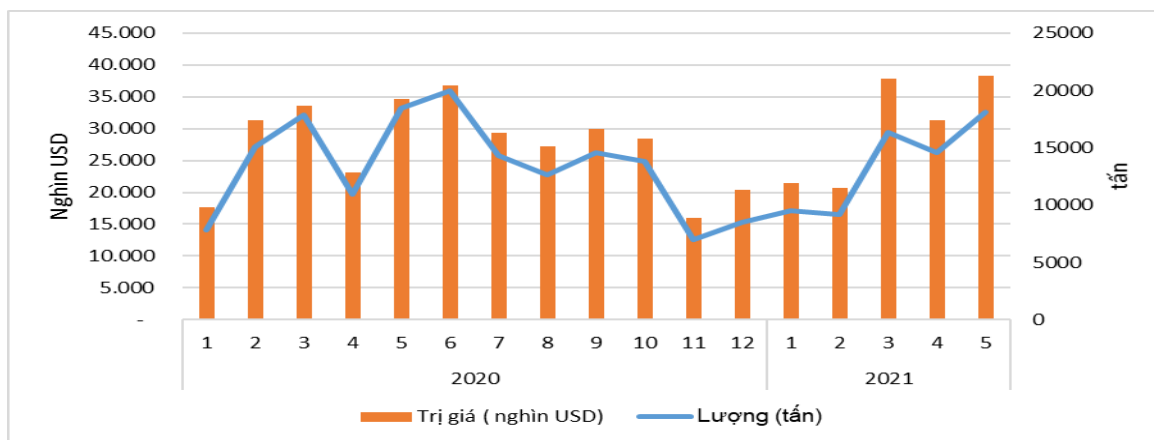
3. CÀ PHÊ

Dữ liệu từ Bộ Nông nghiệp Philippin cho thấy nước này chỉ tự cung tự cấp được 32,40% sản lượng cà phê, còn lại là nhập khẩu. Theo Lộ trình ngành cà phê Philippin 2017-2022, chính phủ Philippin đặt mục tiêu tăng sản lượng cà phê của nước này lên 214.626 tấn vào năm 2022. Tuy nhiên, sản lượng cà phê ở Philippin vẫn thấp hơn mục tiêu đặt ra trong lộ trình. Trong năm 2020, mục tiêu là khoảng 95.389 tấn nhưng chỉ sản xuất được có 60.636,15 tấn. Chính phủ đang khuyến khích khu vực tư nhân tham gia để cải thiện chất lượng và tăng năng suất cà phê. ACDI/VOCA, một tổ chức phi lợi nhuận, hiện đang làm việc với nông dân trồng cà phê thông qua Dự án PhilCAFE do Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) tài trợ. Mục tiêu là tăng cường năng lực cho ít nhất 13.700 nông dân trồng cà phê ở Philippin, mở rộng hỗ trợ dịch vụ cho 350 tác nhân trong chuỗi giá trị cà phê, tăng 50% sản lượng cà phê của cả nước và tăng xuất khẩu cà phê lên gấp 10 lần. USDA dự báo nhập khẩu cà phê của Philippin vẫn tiếp tục tăng cao, và là nước nhập khẩu cà phê hòa tan nhiều nhất thế giới trong niên vụ 2021/2022.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm khoảng 10% tổng lượng cà phê xuất khẩu. Xuất khẩu tháng 5/2021 đạt 18.140 tấn, trị giá 38,29 triệu USD, tăng 24,29% về lượng và tăng 21,98 % về giá trị so với tháng 4/2021. So với cùng kỳ tháng 5/2020, xuất khẩu cà phê giảm 1,29% về khối lượng nhưng tăng 10,54% về giá trị.

Lũy kế xuất khẩu cà phê 5 tháng đầu năm 2021 đạt 67.773 tấn, trị giá 149,68 triệu USD, giảm 3,37% về lượng nhưng tăng 6,73% về giá trị so với cùng kỳ.

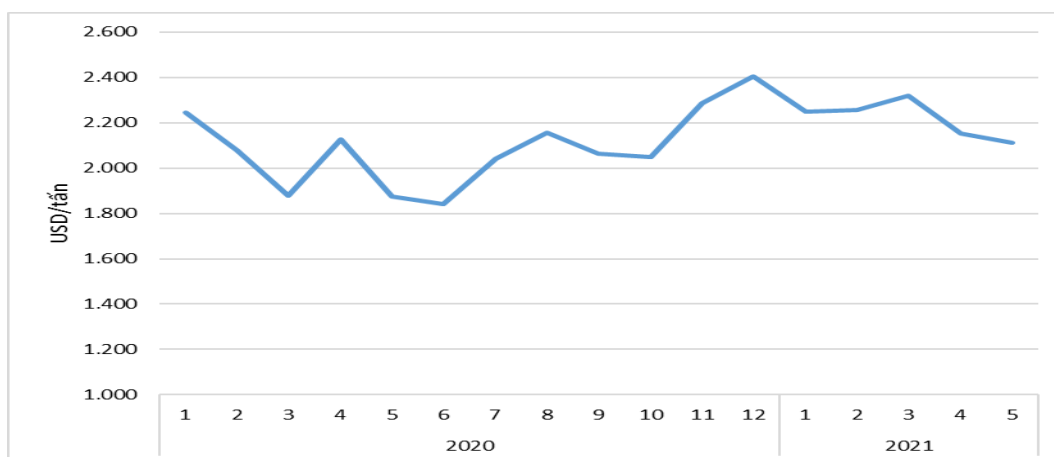
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang ASEAN tháng 5/2021 đạt 2.110 USD/tấn, giảm 1,86% so với tháng trước và tăng 12,71% so với cùng kỳ tháng 5/2020.

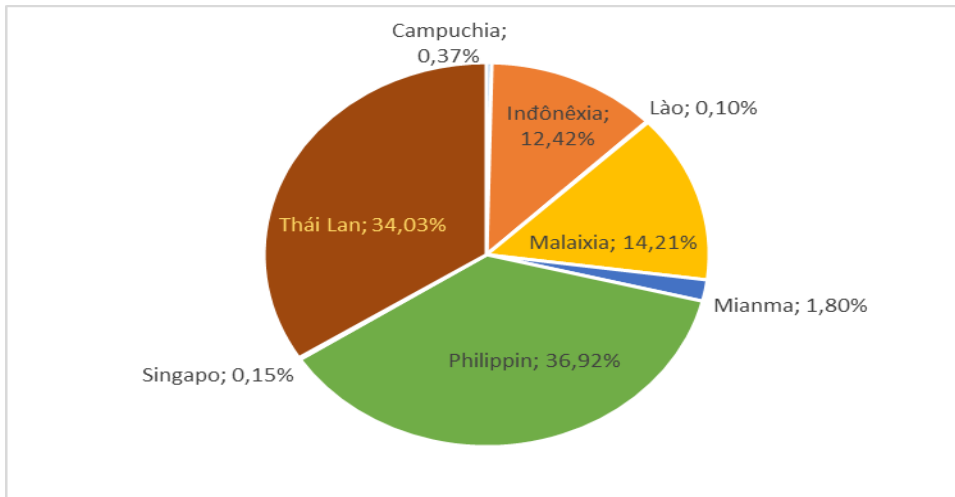
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Việt Nam xuất khẩu cà phê sang tất cả các nước trong khối ASEAN (9 quốc gia). Các thị trường nhập khẩu cà phê chính tại ASEAN trong tháng 5/2021, gồm Philipin chiếm tỷ trọng 36,92%, Malaysia chiếm 14,21%, Indonesia chiếm 12,42%, Thái Lan chiếm 34,03. Các thị trường khác chiếm dưới 2%.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thị trường ASEAN

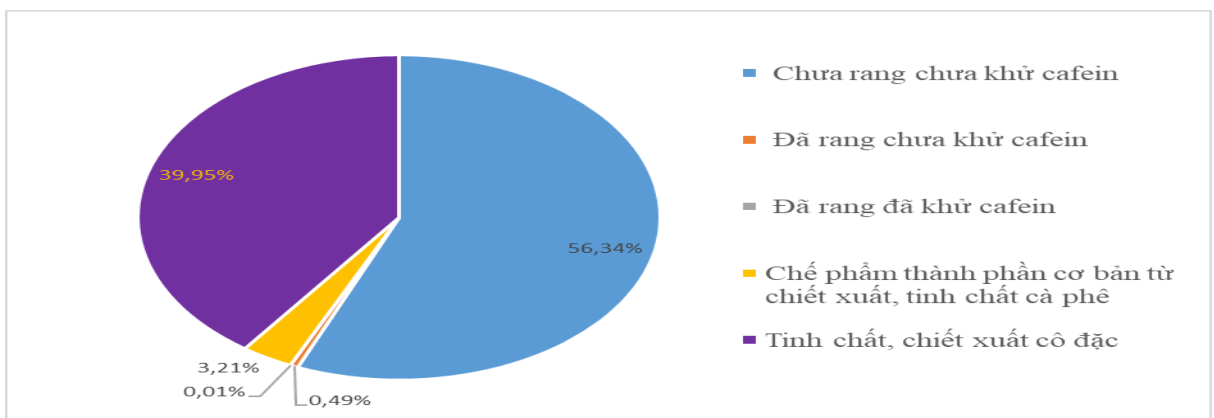


Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Do chi phí vận chuyển sang Hoa Kỳ và EU tăng cao do tình trạng thiếu container vận chuyển. Nhiều doanh nghiệp cà phê đã chuyển hướng sang xuất khẩu các nước trong khu vực. So với tháng trước, xuất khẩu cà phê của Việt Nam tăng ở các thị trường Thái Lan (tăng 364%), Indonesia (tăng 21%), Campuchia (tăng 18%). Trong khi đó, giảm mạnh ở các thị trường Singapo (giảm 77%), Lào (giảm 73%), Malaysia (giảm 30%), Philippin (giảm 9%).

Về cơ cấu sản phẩm, sản phẩm cà phê hòa tan, tinh chất chiếm 43,16%, cà phê nhân chiếm 56,84%. Tỷ trọng cà phê chế biến trong tổng xuất khẩu đã giảm 9,17% so với tháng trước và giảm 3,34% so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể: Cà phê chưa rang, chưa khử cafein đạt trị giá 21 triệu USD, chiếm tỷ trọng 56,34%, tăng 17% so cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt trị giá 15,2 triệu USD, chiếm 39,95%, giảm 1,58% so cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 1,2 triệu USD, chiếm 3,2%, tăng 117,6% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử cafein đạt 187 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 0,49%, giảm 19% so với cùng kỳ.

Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang ASEAN



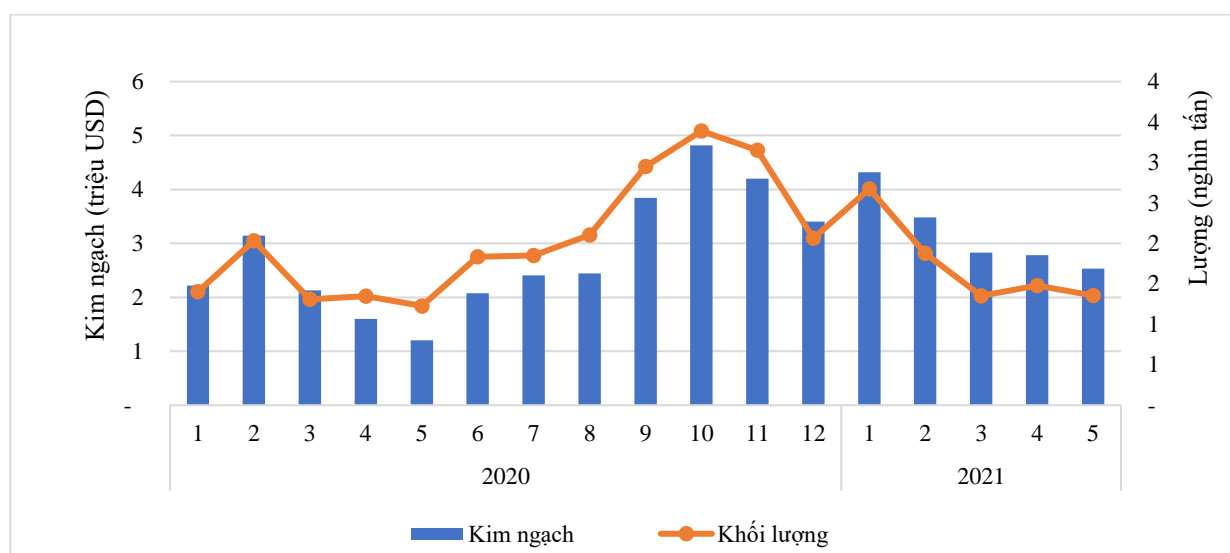
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là: Công ty TNHH URC Việt Nam, Công ty TNHH NEUMANN GRUPPE Việt Nam, Công ty Nestle Việt Nam với thị phần lần lượt là: 20,7%; 12,37% và 6,24%.

4. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2021, xuất khẩu cao su sang các quốc gia ASEAN ước đạt 1,4 nghìn tấn với trị giá 2,5 triệu USD, giảm 8,3% về khối lượng và giảm 8,9% về giá trị so với tháng trước, tuy nhiên tăng 10,5% về khối lượng và 111,0% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

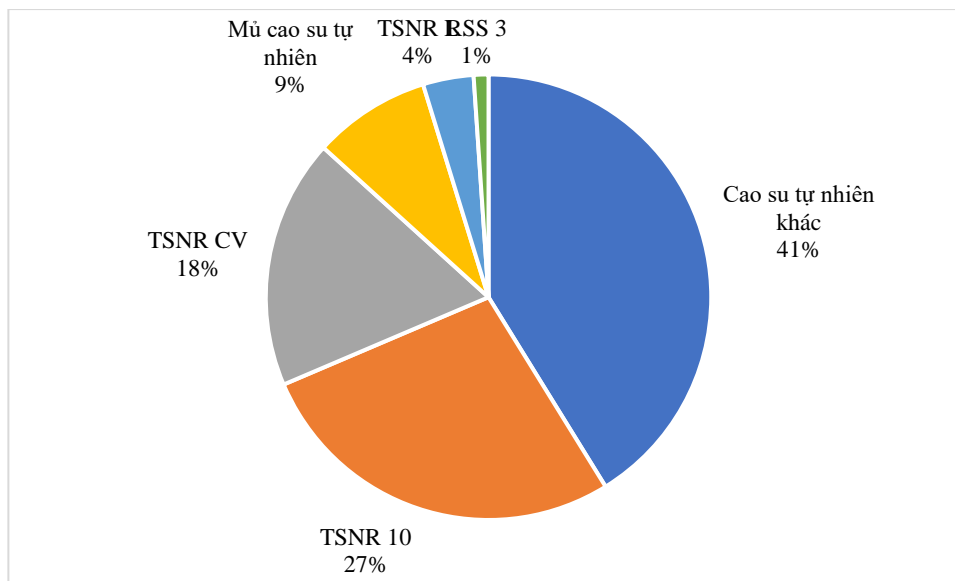
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, cao su tự nhiên đã định chuẩn về kỹ thuật TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang các quốc gia ASEAN đạt 603,1 nghìn USD, chiếm 27,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 399,1 nghìn USD, chiếm 18,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là mủ cao su tự nhiên và TSNR L, chiếm lần lượt 8,5% và 3,7% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

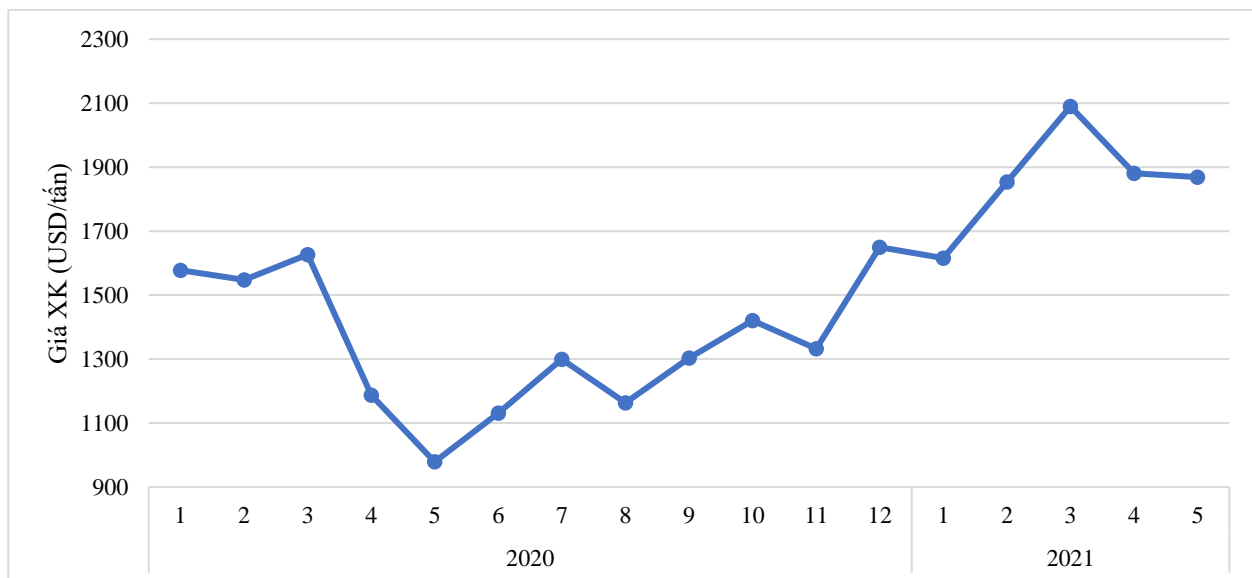
Hình 11: Chứng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường ASEAN theo kim ngạch tháng 05/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

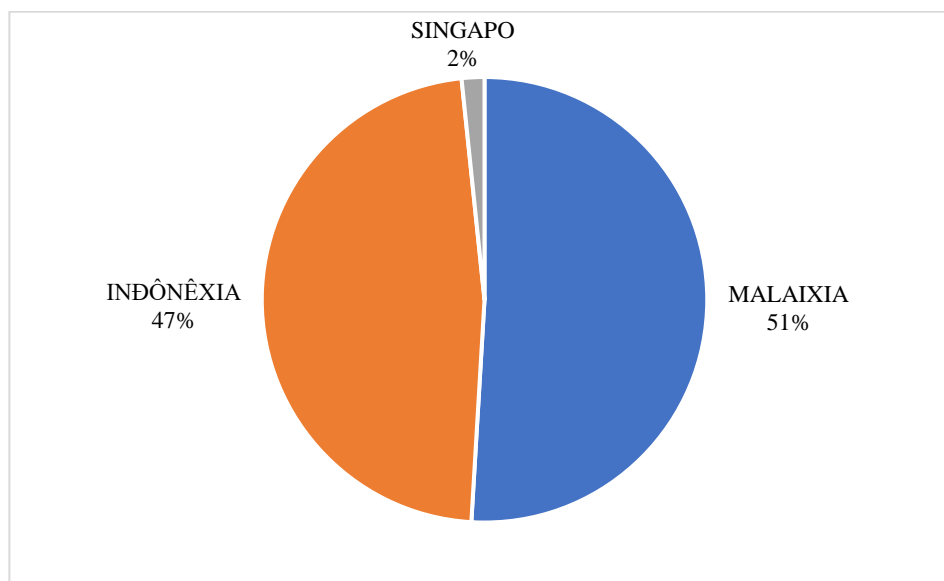
Giá cao su xuất khẩu trung bình sang các quốc gia ASEAN xu hướng giảm nhẹ và đạt mức 1.869 USD/tấn trong tháng 05/2021, giảm 0,7% so với tháng trước và nhưng tăng 90,9% so với cùng kỳ 2020.

Hình 12: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối ASEAN, tháng 05/2021, Malaysia là quốc gia nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất của Việt Nam với 1,3 triệu USD, chiếm 50,9% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các quốc gia ASEAN. Indonesia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 1,2 triệu USD, chiếm 47,4%. Tiếp theo là Singapore chỉ chiếm 1,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang ASEAN.

Hình 13: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục Hải quan

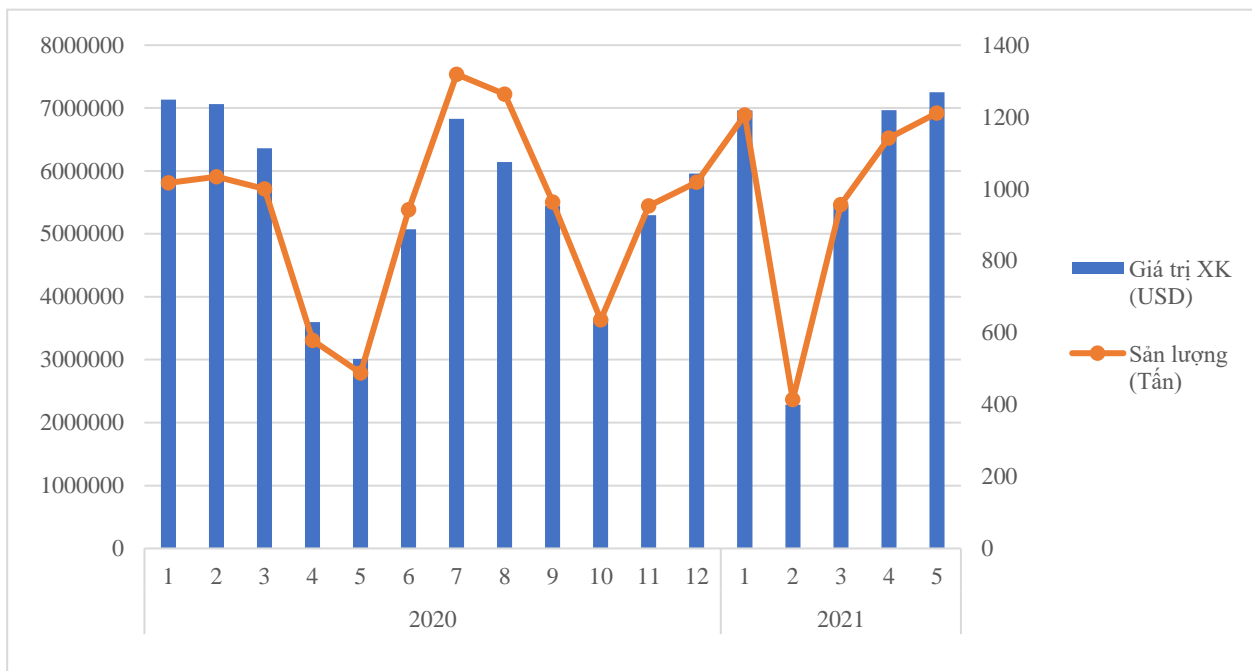
Trong tháng 05/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Xuân, Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh và Công ty TNHH Vạn Lợi. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 12,2%, 12,1% và 7,1% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN trong tháng 05/2021.

5. ĐIỀU

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, xuất khẩu hạt điều của Thái Lan trong quý I/2021 đạt trên 1 nghìn tấn, trị giá 2,83 triệu USD, giảm 50% về lượng và giảm 38,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, xuất khẩu hạt điều của Thái Lan sang thị trường Việt Nam, Thụy Sĩ tăng mạnh, nhưng xuất khẩu sang Campuchia và Hoa Kỳ giảm. Giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Thái Lan sang thị trường Việt Nam đạt 650 USD/tấn, giảm 40,2% so với cùng kỳ năm trước.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1,21 nghìn tấn điều, trị giá 7,25 triệu USD sang thị trường ASEAN, tăng 148,2% về khối lượng và 140,6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước, và tăng 6% về khối lượng và 4,1% về giá trị so với tháng 4/2021. Tính hết 5 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 28,92 triệu USD, tương ứng với 4,93 triệu tấn, tăng 6,4% về giá trị và 19,7% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN

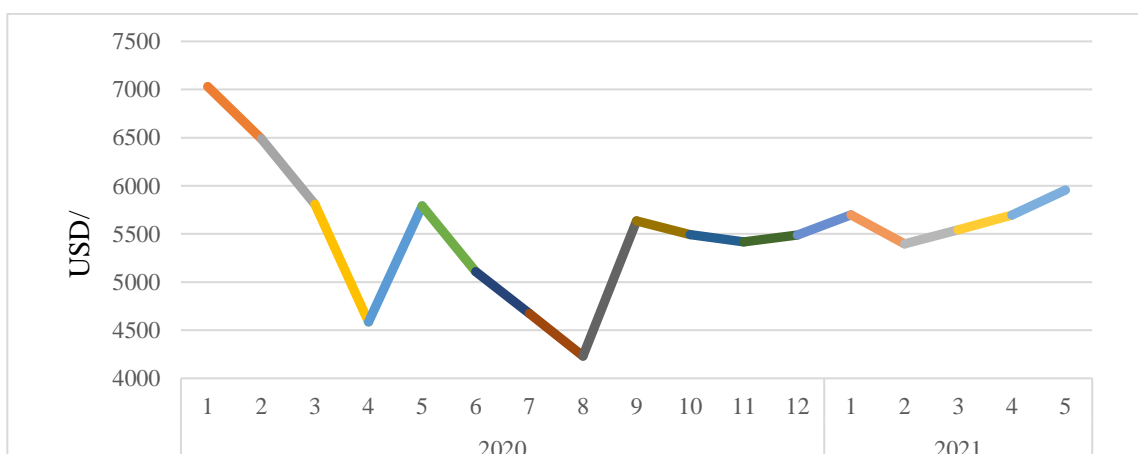


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2021, xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 7,09 (tr.USD), tăng 115,7%, chiếm tới 98,35% tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này; xuất khẩu hạt điều rang đạt 0,16 (tr.USD), tăng 28,5%, chiếm 1,62%.

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường ASEAN vẫn giữ được nhịp tăng của tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình trong tháng 5 đạt 5,96 nghìn USD/tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước, và 4,6% so với tháng 4/2021. Trong đó, giá hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 5,99 USD/kg, tăng 4,8% so với tháng trước nhưng giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước. Hạt điều rang đạt 7,56 USD/kg, giảm 4,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 7,2% so với tháng trước.

Hình 15: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN



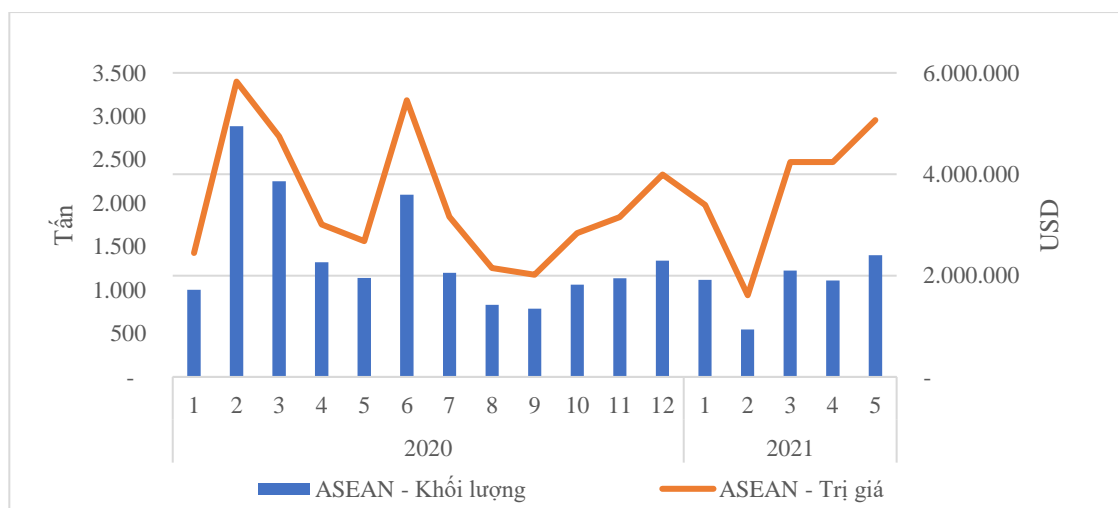
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH HERITAGE Việt Nam chiếm 14,26% tổng giá trị điều xuất khẩu sang thị trường này; công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu Thành Nam chiếm 8,17% và công ty TNHH Long Sơn Inter Foods chiếm 5,95%.

6. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1.400 tấn hồ tiêu với trị giá gần 5,1 triệu USD, tăng 26% về khối lượng và 19,52% về giá trị so với tháng 4/2021, tăng 22,91% về khối lượng và 89,34% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

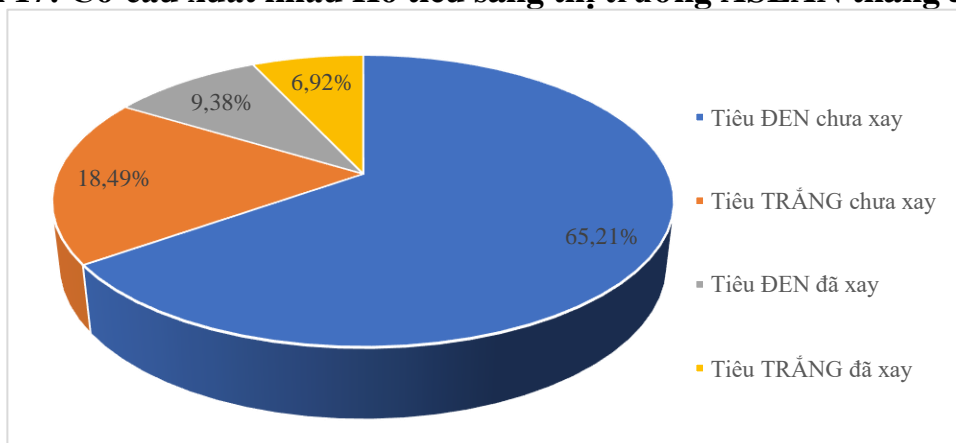
Hình 16: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 65,21% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 1,86% so với tháng trước và tăng 2,25% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 18,49% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này, giảm 5,79% so với tháng trước và giảm 1,01% so với cùng kỳ năm trước.

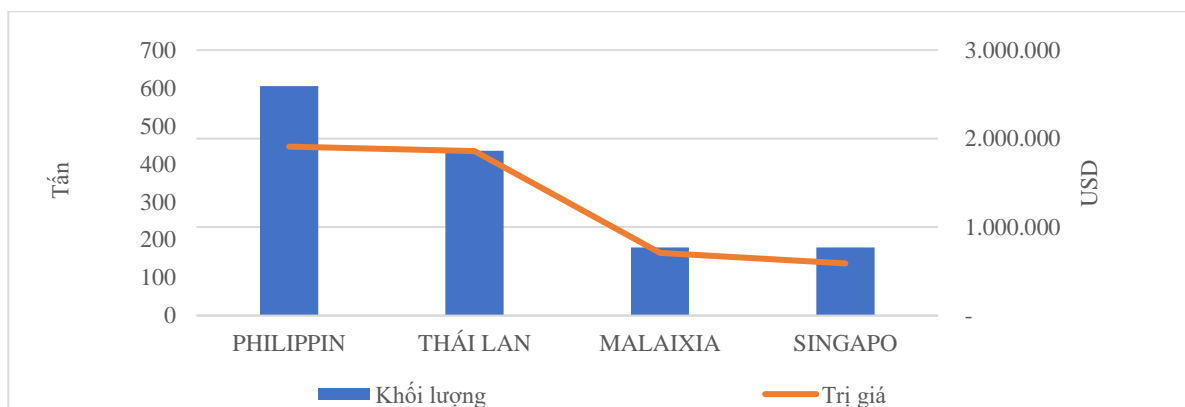
Hình 17: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường ASEAN tháng 5/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

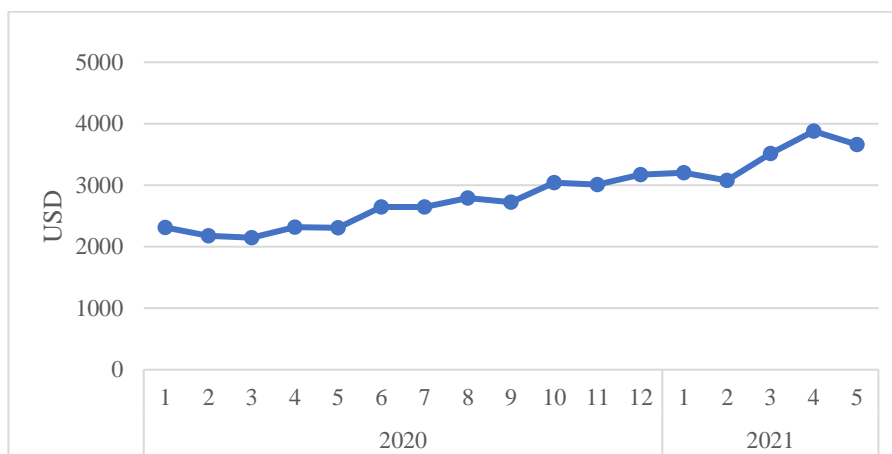
Quốc gia dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong khối ASEAN tháng 5/2021 vẫn là Philippin với khối lượng 605 tấn (chiếm 43,21% tổng khối lượng xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào ASEAN), đạt kim ngạch 1,9 triệu USD (chiếm 36,67% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào khu vực này). Xếp sau là Thái Lan với 435 tấn (31,07%), đạt 1,86 triệu USD (36,7%). Thấp nhất là Singapore với 180 tấn (12,86%) đạt 589 nghìn USD (11,63%), tuy là thị trường nhập khẩu nhỏ nhất của hồ tiêu Việt Nam tại ASEAN song thị trường này đã cho thấy nhiều tín hiệu rất lạc quan với mức tăng trưởng rất hứa hẹn, tăng 89,47% về khối lượng và 60,05% về kim ngạch so với tháng 4/2021.

Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước ASEAN T5/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá hồ tiêu xuất khẩu vào ASEAN trong tháng 5/2021 đã giảm nhiệt, xuống còn 3.663 USD/tấn, giảm 5,6% so với tháng trước đó và tăng 58,9% so với cùng kỳ năm trước. Việc giá hồ tiêu được bình ổn do giá thu mua hồ tiêu trong nước đã dần ổn định đã góp phần kích cầu của khu vực này đối với hồ tiêu Việt Nam, khiến khối lượng và kim ngạch đều tăng trưởng rất tốt.

Hình 19: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

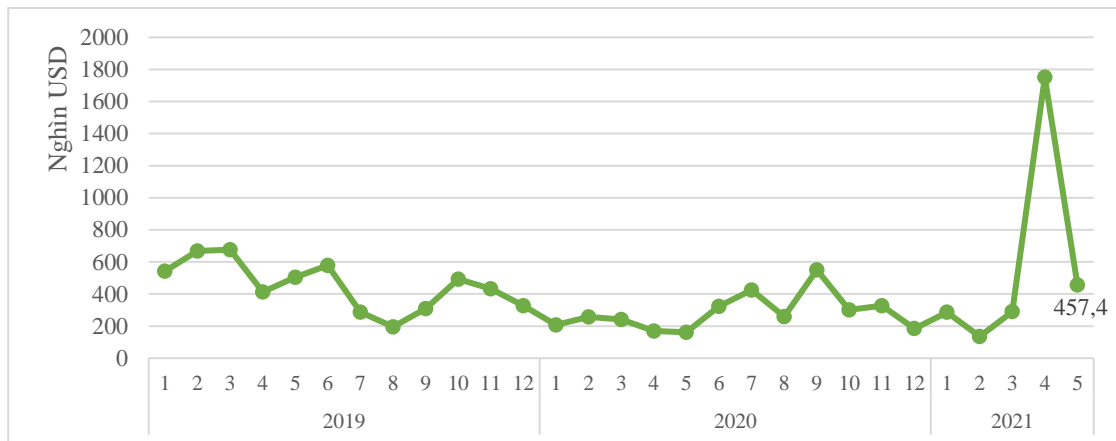
Trong tháng 5/2021, giữ vị trí số 1 trong Top 3 công ty xuất khẩu lớn nhất sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH Chế biến Gia vị Nedspice Việt Nam, vốn chỉ giữ vị trí thứ 6 trong tháng 4/2021, chiếm 16,45%, tăng 196% so với tháng trước đó và tăng 75,4% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 và 3 là Công ty CP Sinh Lộc Phát và công ty TNHH Bi Chu, chiếm lần lượt là 14,05% và 7,15% tổng kim ngạch hồ tiêu và khu vực này, đều giảm so với tháng 4/2021 (17,2% và 27,3%) song vẫn tăng so với cùng kỳ năm trước (62,1% và 35,4%).

7. THỊT VÀ SẢN PHẨM THỊT

Giá heo tại Thái Lan giảm 15% trong hai tuần cuối tháng 5 năm 2021, từ 80 THB/kg (2,6 USD) xuống 68 THB/kg (2,2 USD). Giá heo lao dốc do ảnh hưởng của việc Việt Nam cấm nhập khẩu lợn sống từ Thái Lan và buộc đóng cửa các cơ sở kinh doanh thực phẩm để tránh các vụ tụ tập đông người có thể lây lan Covid-19. Mặc dù vậy, đại diện Cục Phát triển chăn nuôi Thái Lan (DLD), đã phủ nhận thông tin nước này bị ASF tấn công. Bên cạnh đó, lo ngại sự lây lan của ASF, nhiều trang trại chăn nuôi lợn ở Thái Lan đang thanh lý lợn nái của họ và chuyển sang Myanmar.

Trong tháng 5/2021, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang các nước khu vực ASEAN đạt 457,4 nghìn USD, giảm 73% so với tháng trước, và tăng 183,7% so với cùng kỳ năm 2020. Campuchia và Thái Lan là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khu vực lần lượt chiếm 56,8% và 35,8% trong tháng 5/2021. Các sản phẩm xuất khẩu chính trong tháng 5 gồm chân gà đông lạnh sang Thái Lan (chiếm 35,8%); thịt lợn, bò chế biến sang Lào và Campuchia (chiếm 34%), lợn giống sang Campuchia (chiếm 21,5%), và các sản phẩm chăn nuôi khác (đùi ếch, gia cầm, thịt đông lạnh, chim cảnh).

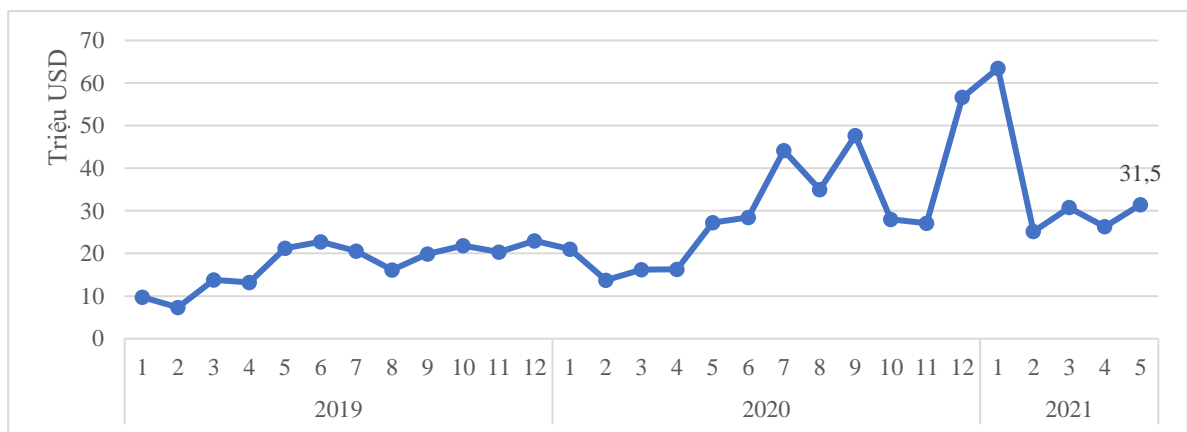
Hình 20: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về tình hình nhập khẩu, nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam từ các nước ASEAN trong tháng 5/2021 đạt 31,5%, tăng 19,8% so với tháng trước. Tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN trong 5 tháng đầu năm 2021 đạt 177 triệu USD, tăng 87% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 94,5 triệu USD). Sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất trong tháng 5/2021 là trâu, bò sống (đạt 16,6 triệu USD, chiếm 52,8%) và lợn sống (trị giá 14,2 triệu USD, chiếm 45,2%) đều từ Thái Lan. Còn lại là gà sống từ Lào (283 nghìn USD) và Malaysia (311,8 nghìn USD), cùng các sản phẩm chế biến từ gà và chim bồ câu từ Malaysia.

Hình 21: Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. THỦY SẢN

Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) đang thu hồi tôm sú Thái Lan được bán ở Richmond và B.C. sau khi xác định “thông tin sản phẩm phụ gia” trong một cuộc điều tra về an toàn thực phẩm. Ngày 23/6, cơ quan này cho biết tôm sú Thái Lan cỡ 16-20 của Searay Food Inc. đang bị thu hồi do chúng chứa sulphites không được công bố trên nhãn.

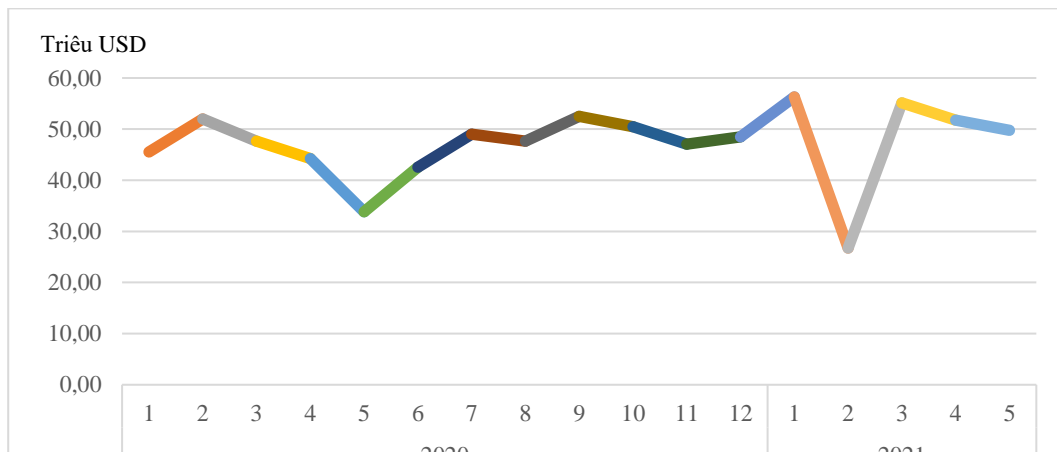
Cục Xúc tiến Thương mại Quốc tế Thái Lan (DITP) đã khởi động một chiến dịch mới có tên gọi “Thailand Delivers with Safety” nhằm tăng thêm niềm tin của khách hàng quốc tế vào các sản phẩm cá ngừ và các sản phẩm khác của Thái Lan. Theo DITP, thị trường cá ngừ chế biến và đóng hộp năm 2021 dự kiến sẽ đạt 2,34 tỷ USD. Mặc dù đơn hàng xuất khẩu của Thái Lan giảm, nhưng DITP dự kiến xuất khẩu thực phẩm đông lạnh của Thái Lan năm 2021 sẽ tăng 2%, đạt 140,26 tỷ Bath (tương đương 4,5 tỷ USD).

Theo dữ liệu từ chợ tôm bán buôn Talay Thai, chợ đầu giá tôm lớn nhất ở miền Trung Thái Lan, giá mới nhất tại ao nuôi đối với tôm thẻ chân trắng loại nhỏ, HOSO ở Thái Lan tiếp tục tăng trong tuần 11/2021. Theo đó, giá tôm cỡ 80 con/kg ở Thái Lan đã tăng 4% lên 132,50 THB (4,29 USD)/kg.

Theo dữ liệu giá của trang Undercurrentnews, giá tại đầm tôm chân trắng cỡ lớn từ Indonesia tiếp tục tăng trong tuần 24 của năm 2021. Giá tôm thẻ chân trắng cỡ 30 và 40 con/kg tiếp tục tăng so với tuần trước lên 96.140 IDR/kg và 85.660 IDR/kg. Tuy nhiên, giá tôm cỡ 60, 80 và 100 con/kg hầu như không thay đổi, và thậm chí giảm nhẹ xuống khoảng 70.620 IDR/kg, 60.540 IDR/kg và 53.800 IDR/kg trong tuần 24.

Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN 5 tháng đầu năm đạt 238,55 triệu, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính riêng tháng 5/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 49,77 triệu USD, chiếm 6,28% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu của Việt Nam, tăng 47,1% so với cùng kỳ năm trước, nhưng giảm 3,8% so với tháng 4/2021

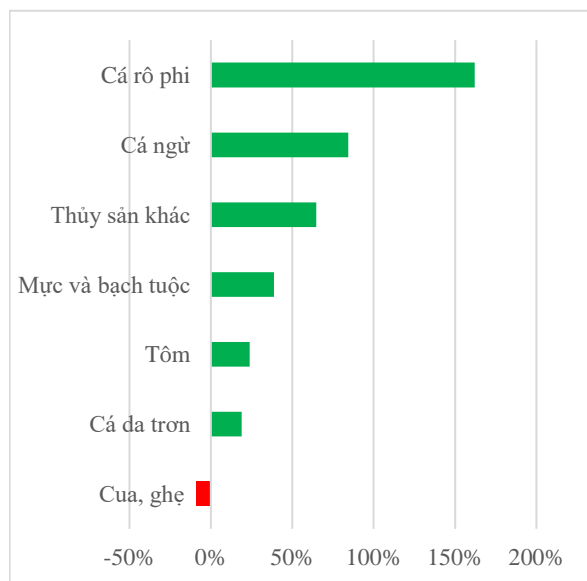
Hình 22: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN.



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản tiêu thụ chính tại thị trường này trong tháng 5/2021, chiếm 18,8% giá trị xuất khẩu; mực và bạch tuộc chiếm 13,6%.

Hình 23: So sánh biến động giá trị xuất khẩu thủy sản T5/2021 so với T5/2020



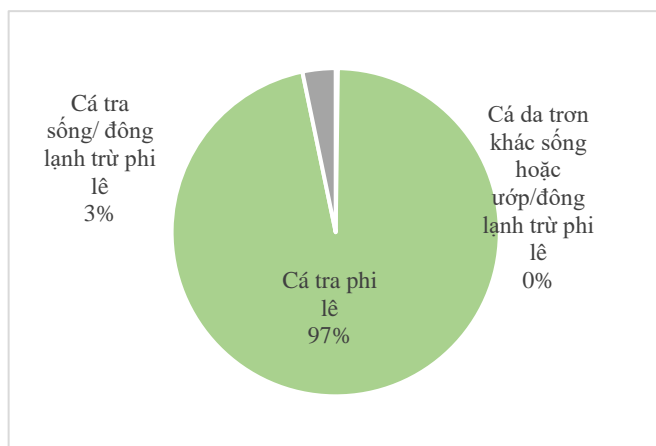
So với tháng 5/2020

- ✚ Cá rô phi đạt 0,26 (tr.USD) ▲ 162%
- ✚ Cá ngừ đạt 4,25 (tr.USD) ▲ 84,4%
- ✚ Thủy sản khác đạt 24,8 (tr.USD) ▲ 4,7%
- ✚ Mực và bạch tuộc đạt 6,75 (tr.USD) ▲ 38,8%
- ✚ Tôm đạt 4,14 (tr.USD) ▲ 8,3%
- ✚ Cua, ghẹ đạt 0,19 tr.USD, ▼ 9%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản xuất khẩu lớn nhất vào thị trường này, giá trị xuất khẩu tháng 5/2021 đạt 9,38 triệu USD, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm 2020 và nhưng giảm 5,6% so với tháng trước.

Hình 24: Cơ cấu sản phẩm da trơn xuất khẩu sang ASEAN tháng 5/2021



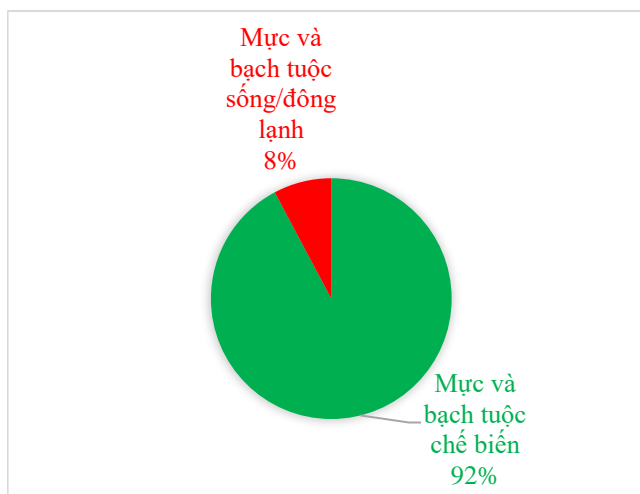
So với tháng 5/2020

- ✚ Cá tra phi-lê đạt 9,05 (tr.USD), ▲ 52,3%
- ✚ Cá tra sống/đông lạnh trừ phi-lê đạt 0,31 (tr.USD), ▼ 56,8%
- ▼ Cá da trơn khác đạt 0,02(tr.USD), ▼ 98,4%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Mực và bạch tuộc là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn thứ 2 vào thị trường này trong tháng 5/2021 đạt 6,75 triệu USD, chiếm 13,6% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu vào thị trường này, tăng 38,8% so với cùng kỳ năm 2020 và 21,6% so với tháng trước.

Hình 25: Cơ cấu sản phẩm mực và bạch tuộc xuất khẩu sang ASEAN tháng 5/2021



So với tháng 5/2020

- ✚ Mực và bạch tuộc chế biến đạt 6,23 (tr.USD), ▲ 48,7%
- ✚ Mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 0,53(tr.USD), ▼ 22,5%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu cá da trơn bình quân tháng 4 sang thị trường này đạt 1,54 USD/kg, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2020; cá rô phi đạt 1,73 USD/kg, giảm 25,2%; tôm đạt 6,85 USD/kg, giảm 44,1%.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số sản phẩm thủy sản sang ASEAN tháng 5/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	1,54	1,0%	-7,3%
2	Cá rô phi	1,73	-25,2%	-18,4%
3	Cua, ghẹ	6,63	22,4%	29,5%
4	Mực và bạch tuộc	7,91	-1,1%	-6,4%
5	Tôm	6,85	44,1%	22,8%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 5 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH đồ hộp Việt Cường chiếm 5,4% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH xuất nhập khẩu Dalu Surimi chiếm 5,1%; Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 4,1%.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Theo báo cáo tháng 6/2021 mới nhất của USDA, nhập khẩu cà phê các loại của Philippin niên vụ 2021/2022 sẽ giảm khoảng 1,39% xuống mức 5,67 triệu bao, nước này vẫn là nước nhập khẩu cà phê hòa tan nhiều nhất thế giới với 4,85 triệu bao, giảm 3,5% so với niên vụ trước. Trong khi đó nhập khẩu cà phê nhân của Malaysia cũng giảm khoảng 6% xuống mức 1,7 triệu bao. Về tiêu thụ nội địa, USDA dự báo tiêu thụ nội địa tại Philippin tăng 1,25% lên mức 6,25 triệu bao, tiêu thụ nội địa của Indonesia dự báo cũng tăng 5,26% lên mức 4,7 triệu bao, trong khi tiêu thụ nội địa của Malaysia không đổi ở mức 800 nghìn bao. Đáng chú ý tồn kho cuối niên vụ của Philippin sẽ giảm 25% xuống còn 600 nghìn bao. Trong ngắn hạn khi giá cước vận chuyển tăng cao trên các chuyến đi Hoa Kỳ và Châu Âu thì thị trường ASEAN nói riêng và Châu Á nói chung vẫn là hướng đi khả quan cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, dịch bệnh bùng phát cũng là vấn đề đáng lo ngại đối với cả quốc gia nhập khẩu và xuất khẩu.

2. Cao su

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), trong tháng 5 tổng sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu đạt xấp xỉ 834,2 nghìn tấn, tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 8,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 5 tháng đầu năm, tổng sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu đạt 4, triệu tấn, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Cũng theo báo cáo hàng tháng của ANRPC, cơ quan này dự báo sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu năm 2021 sẽ tăng trưởng 5,8% so với năm 2020, đạt 13,8 triệu tấn; trong khi nhu cầu cao su thế giới ước tính tăng 6,7% lên 13,6 triệu tấn. Triển vọng sửa đổi này đã dự báo một thị trường cao su tự nhiên tương đối cân bằng trong những tháng còn lại của năm nay.

3. Tiêu

Tuy chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam ra thế giới, 2% về kim ngạch và 2% về khối lượng, song ASEAN vẫn được đánh giá là thị trường xuất khẩu tiềm năng và tập trung khai thác của Việt Nam bởi những điểm tương đồng trong nhu cầu sử dụng gia vị từ hồ tiêu, vị trí địa lý và dân số lớn. Với những khởi sắc trong các tháng gần đây cùng với giá thu mua hồ tiêu trong nước đã tương đối ổn định, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu vào thị trường này của Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những tháng tiếp theo.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang ASEAN tháng 5/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 5/ 2021 (USD)	Tăng /giảm so T4/2021	Tăng /giảm so T5/2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	38.293.440	22%	11%	11%
2	Cao su	2.533.866	-9%	111%	1%
3	Chè	774.244	-9%	-30%	0%
4	Gạo	146.893.944	-24%	-37%	42%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	21.798.416	-11%	99%	6%
6	Rau quả	17.883.086	-20%	-10%	5%
7	Thủy sản	49.766.818	-4%	47%	14%
8	Hạt điều	7.253.494	4%	141%	2%
9	Hạt tiêu	5.069.702	20%	89%	1%
10	Phân bón các loại	27.488.478	-4%	48%	8%
11	Sản phẩm từ cao su	7.135.232	19%	141%	2%
12	Sắn và các sản phẩm từ sắn	540.129	300%	-55%	0%
13	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	25.645.093	16%	39%	7%
14	Thịt và sản phẩm thịt	457.387	-74%	184%	0%
Tổng XK NLTS		351.533.329	-11%	-8%	100%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang ASEAN tháng 5/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 5/2020		Tháng 5/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo trắng	268.546	125.432.024	145.154	75.945.368	-45,9%	-39,5%
2	Gạo thơm	194.390	98.881.410	106.678	57.257.537	-45,1%	-42,1%
3	Các loại gạo khác	17.026	10.302.216	26.325	13.691.038	54,6%	32,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang ASEAN tháng 5/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 5/2020	Tháng 5/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T5.2021/T5.2020
	Tổng giá trị XK	19.867.491	17.883.086	-10,0%
1	Chanh	525.572	3.288.493	525,7%
2	Dừa	6.695.596	2.544.122	-62,0%
3	Khoai lang	3.308.644	2.306.595	-30,3%
4	Ớt	1.626.271	1.481.676	-8,9%
5	Thanh long	801.121	1.033.983	29,1%
6	Chuối	976.357	621.842	-36,3%
7	Sầu riêng	532.962	536.837	0,7%
8	Khác	5.400.966	6.069.537	12,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu cà phê sang ASEAN tháng 5/2021

Mặt hàng	T5/2020	T5/2021	So sánh T5/2020 và T5/2021
Chưa rang chưa khử cafein	18.297.682	21.573.597	17,90%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	15.544.115	15.298.417	-1,58%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	564.925	1.229.209	117,59%
Đã rang chưa khử cafein	231.348	187.389	-19,00%
Đã rang đã khử cafein	-	4.827	
Chưa rang đã khử cafein	2.640	-	-100,00%
Tổng	34.640.710	38.293.440	10,54%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 5/2021

Loại sản phẩm	Tháng 5/2021 (USD)	Tháng 5/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	9.375.313,29	7.886.694,15	-31,9%
Cá nư	4.246.525,97	2.303.355,60	29,9%
Cá rô phi	256.591,51	97.921,96	1293,6%
Cua, ghe	188.557,52	207.248,38	33,8%
Mực và bạch tuộc	6.754.897,03	4.866.198,57	28,0%
Tôm	4.143.871,17	3.343.636,53	-9,5%
Thủy sản khác	24.801.061,94	15.125.473,33	56,6%
Tổng	49.766.818,42	33.830.528,52	17,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi sang thị trường các nước ASEAN

TT	Sản phẩm	T5/2020 (USD)	T5/2021 (USD)	So sánh T5.2021/T5.20 20
1	Lợn sống		98.628,0	
2	Gia cầm sống	7.250,0	17.475,7	141%
3	Động vật sống khác		4.320,0	
4	Thịt trâu, bò, đông lạnh.	65.085,4	5.569,3	-91%
5	Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm	15.178,7	163.825,2	979%
6	Thịt khác	44.550,0	9.315,0	-79%
7	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	29.182,8	158.253,7	442%
	Tổng	161.246,9	457.386,9	184%

Nguồn: Tổng cục Hải quan